



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cấp thoát nước Lâm Đồng

Ngày 30/06/2025	21,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.8%	43.9%	43.9%

DT thuần Q2/25
81.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.50 0.7%
YoY: ▲ 0.10 0.2%

LN thuần Q2/25
25.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.50 -9.1%
YoY: ▼2.70 -9.7%

LN sau thuế Q2/25
19.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.10 -9.4%
YoY: ▼2.30 -10.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
34.2%
YoY: +/- ▼ 3.5%

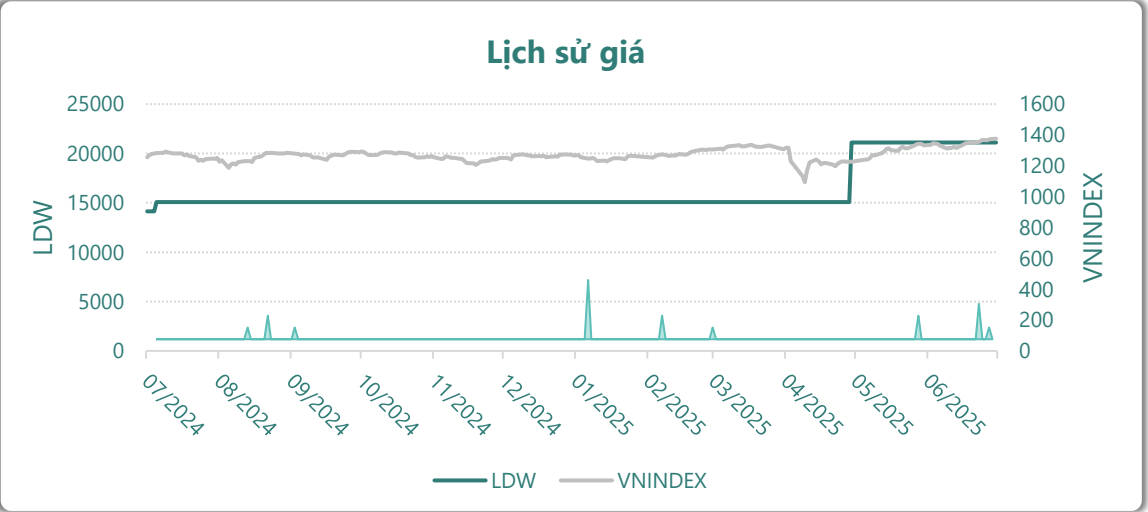
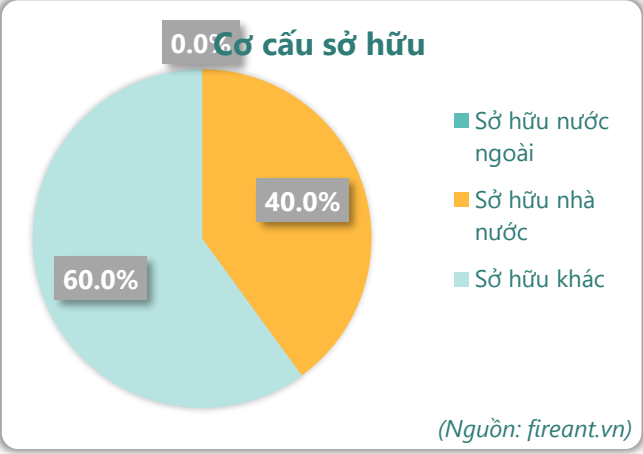
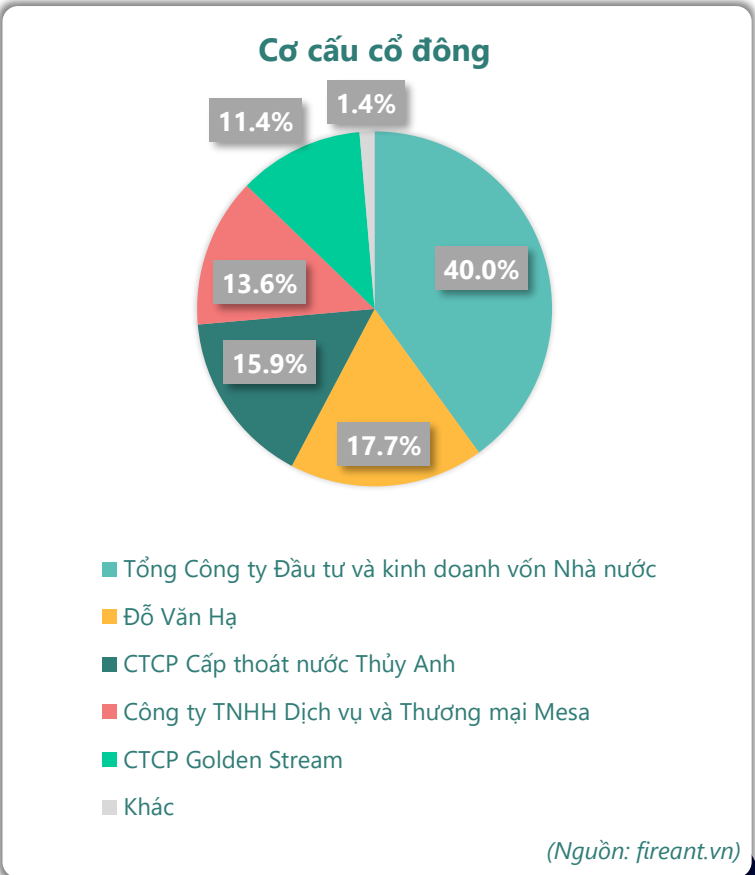
ROE (TTM) Q2/25
10.1%
YoY: +/- ▲ 0.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	14,139 - 21,114
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,710
Số lượng CPLH (CP)	78,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.02
EPS	1,188
P/E	18.3

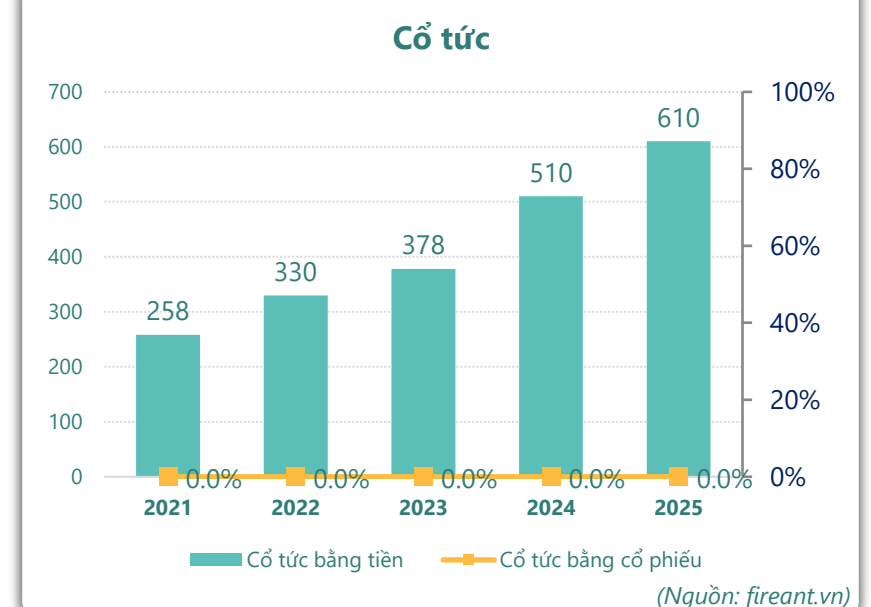
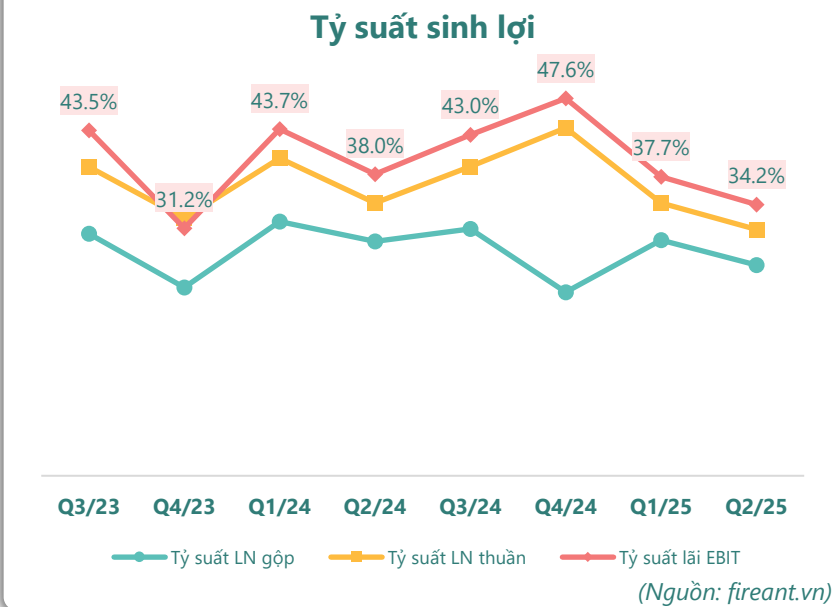
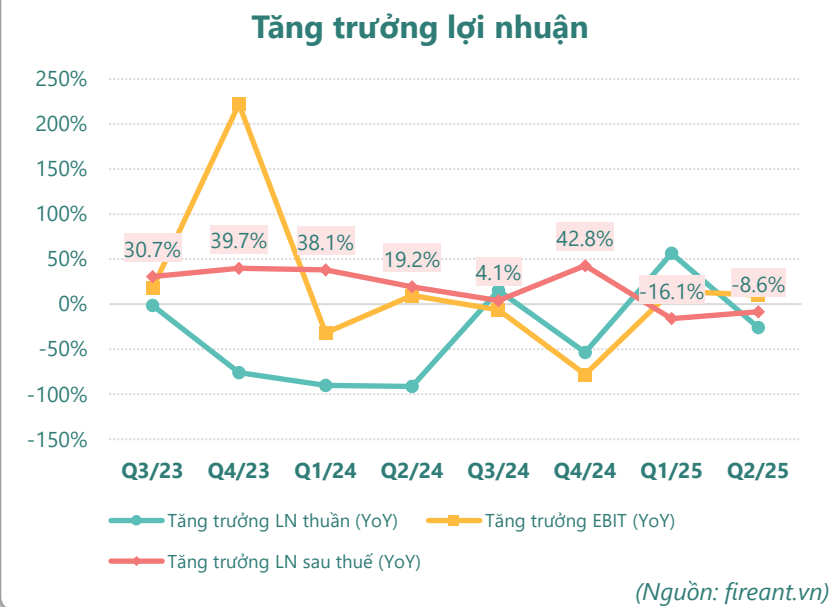
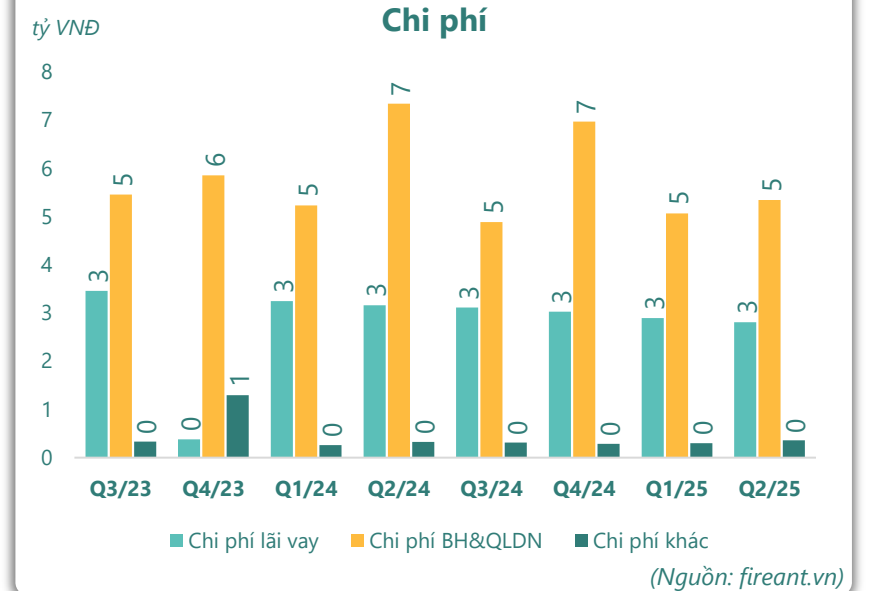
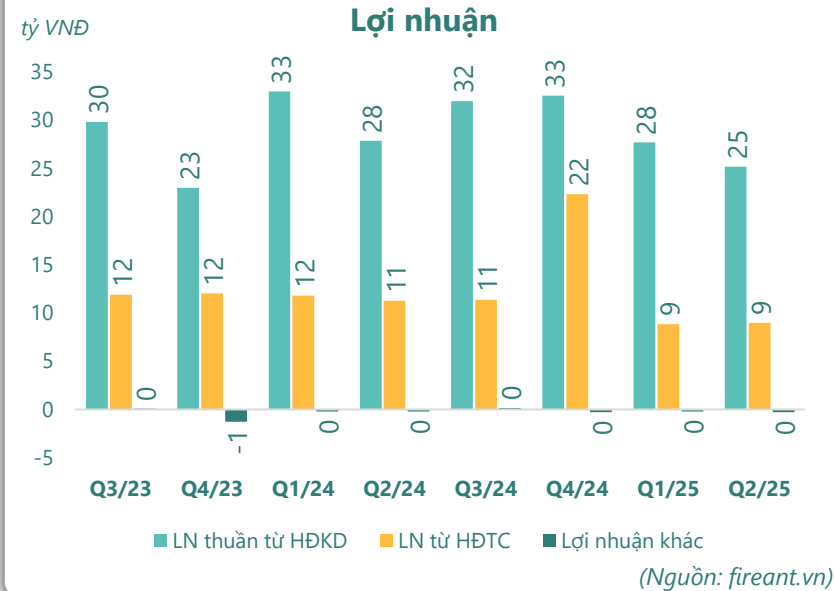
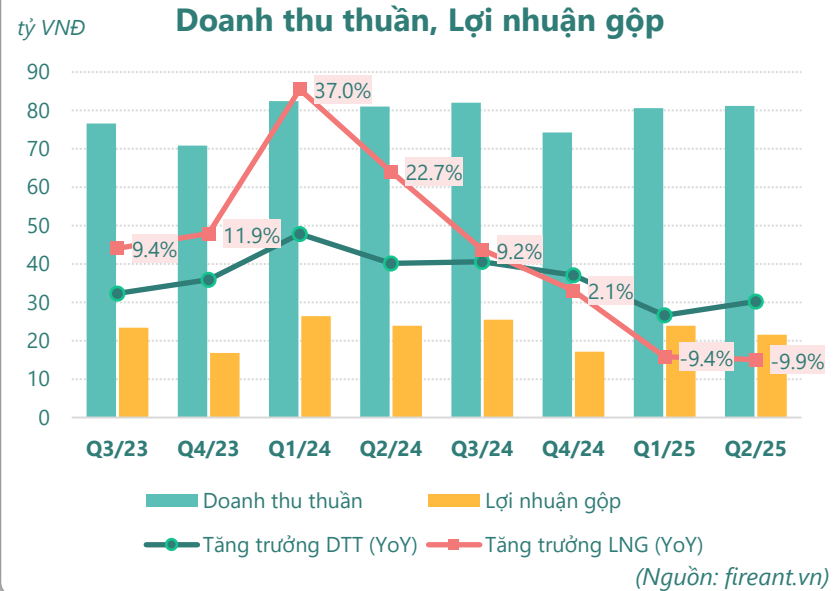
DT thuần 6T 2025
162
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.00 -1.1%

LN thuần 6T 2025
52.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.90 -13.1%

LN sau thuế 6T 2025
41.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.40 -13.4%



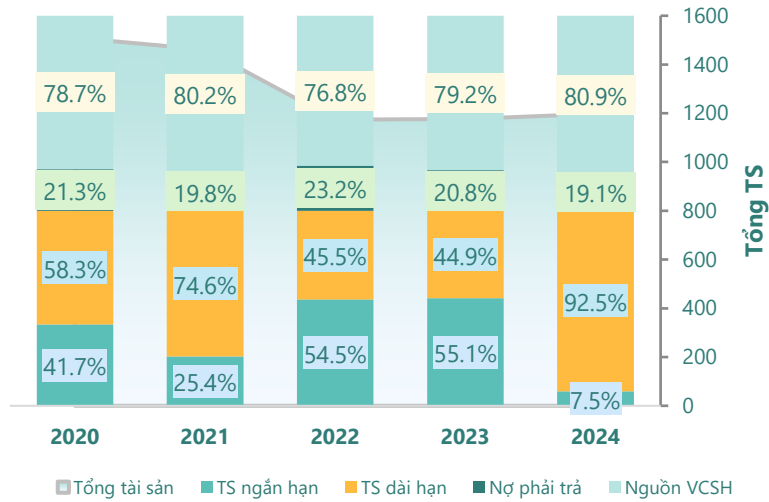
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

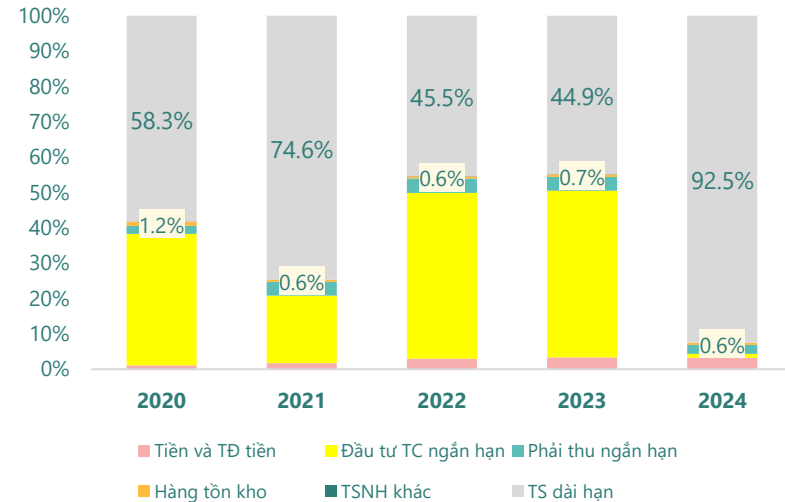
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

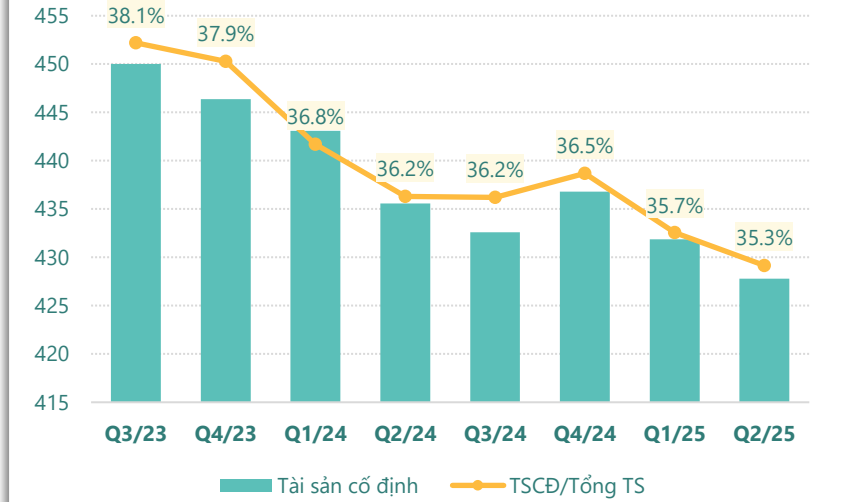
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

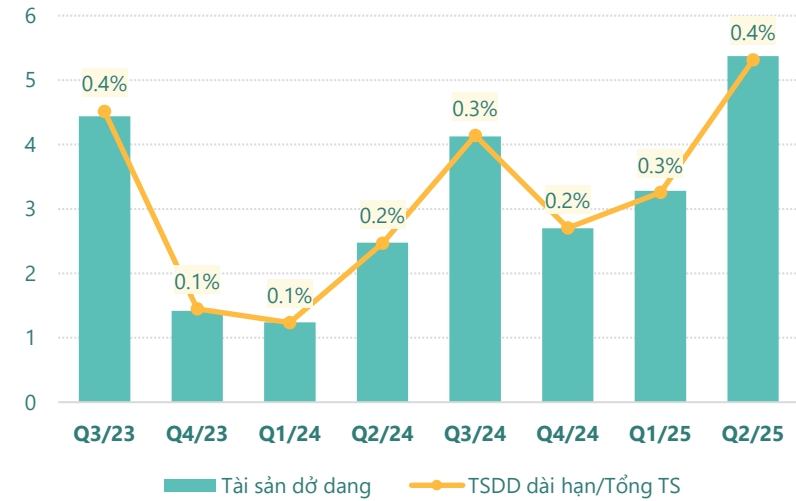
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

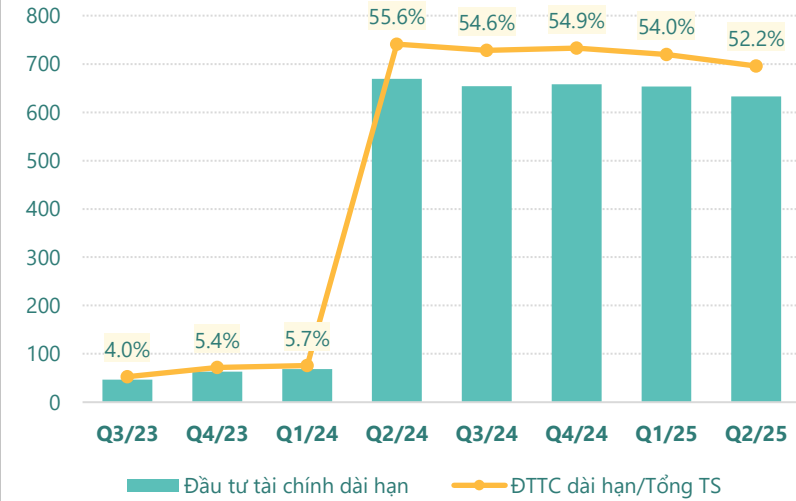
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

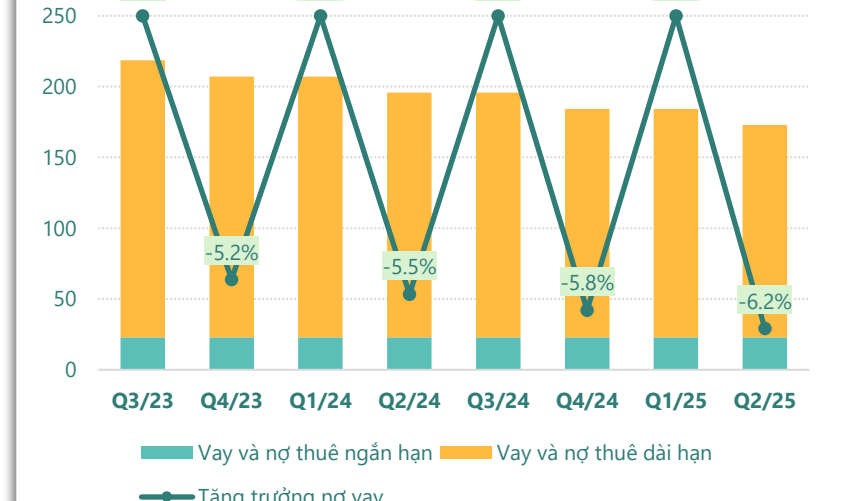
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

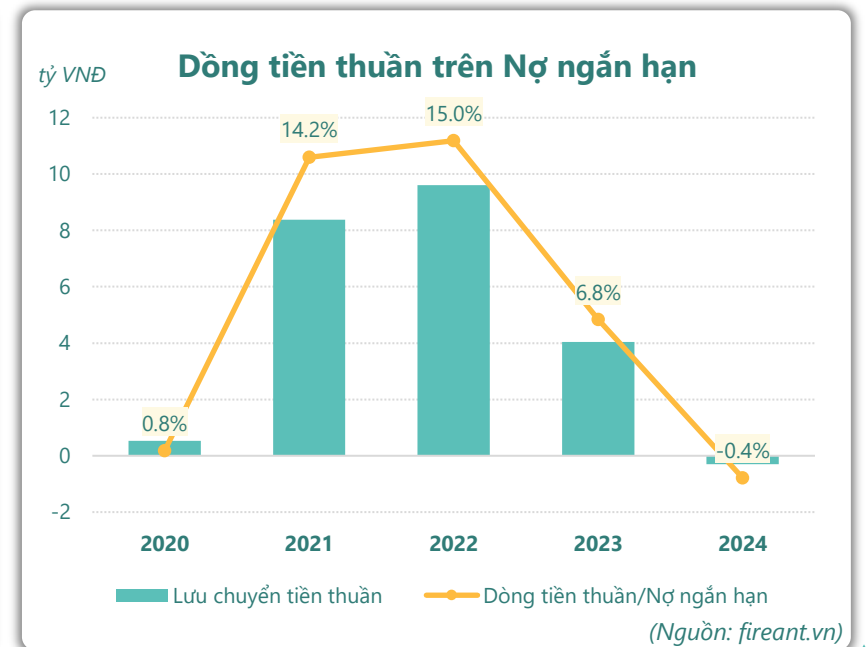
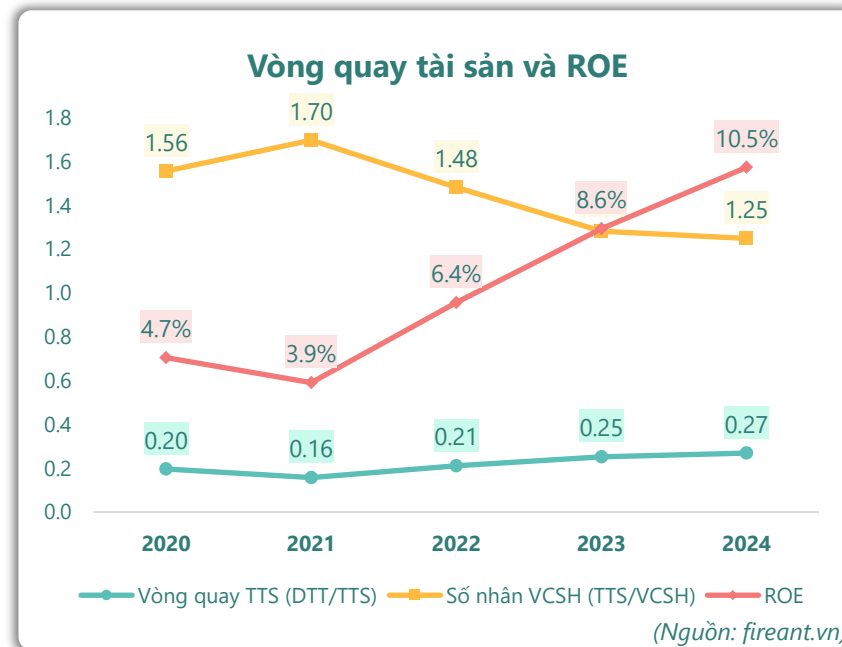
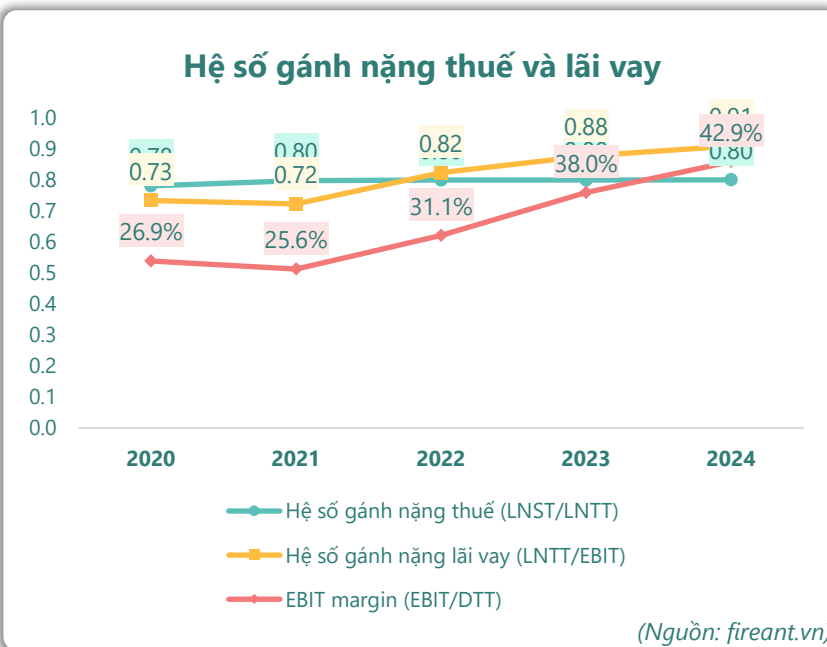
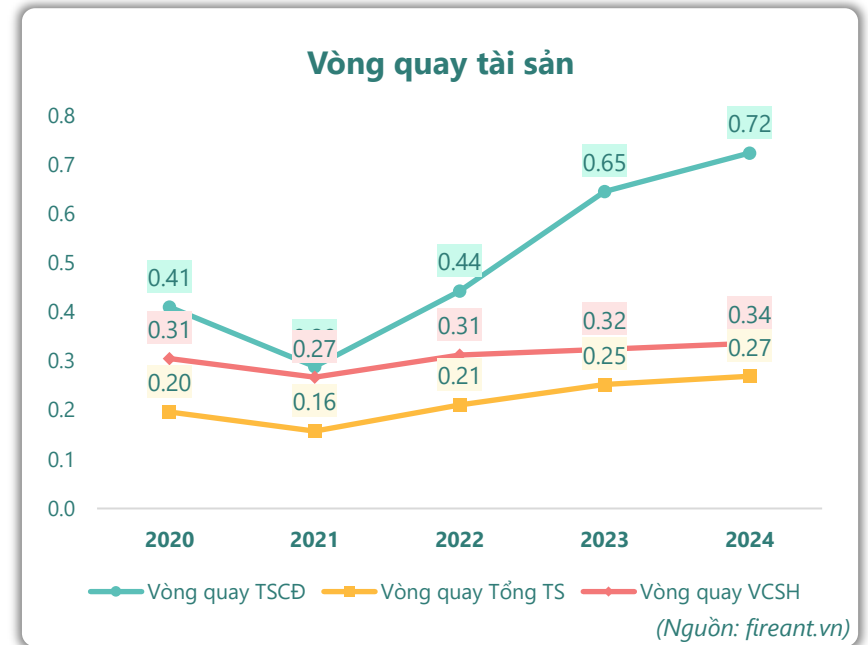
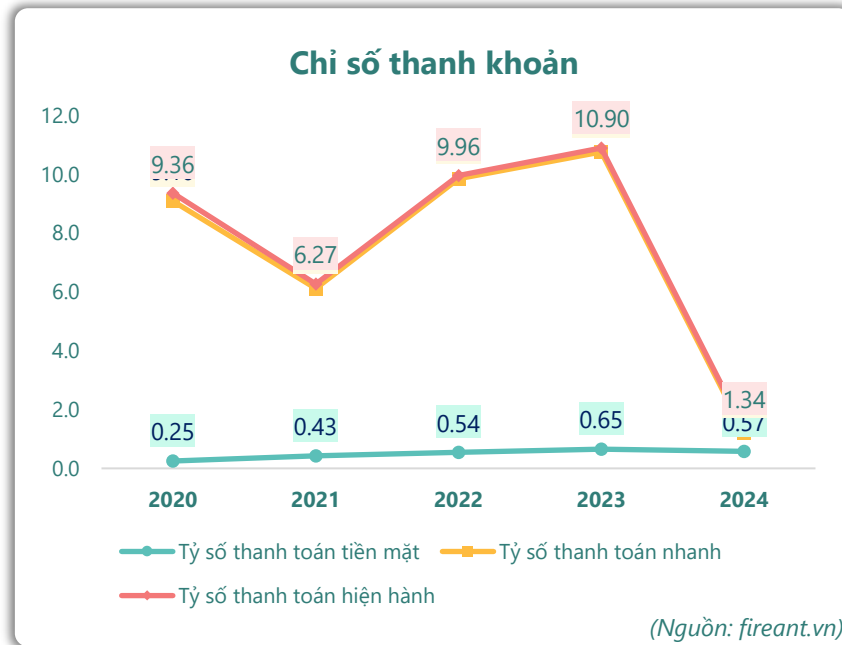
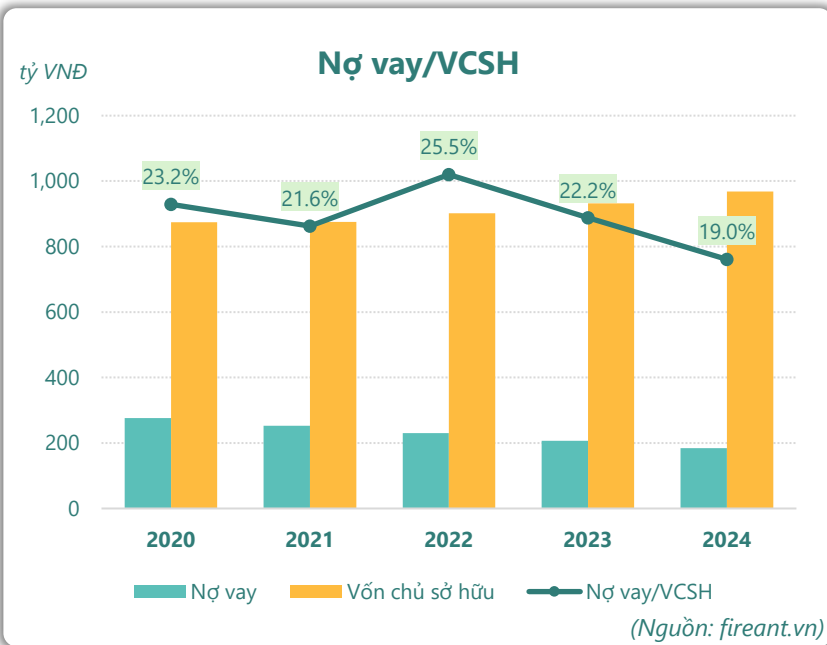
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	81.1	81.0	0.2%	162	163	-1.1%
Giá vốn hàng bán	59.6	57.1	4.4%	116	113	2.8%
Lợi nhuận gộp	21.6	23.9	-9.8%	45.5	50.3	-9.7%
Doanh thu HĐTC	11.8	14.4	-18.2%	23.5	29.5	-20.2%
Chi phí TC	2.81	3.16	-11.2%	5.70	6.41	-11.0%
Chi phí lãi vay	2.81	3.16	-11.2%	5.70	6.41	-11.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.38	0.94	47.3%	2.72	1.98	37.3%
Chi phí QLDN	3.96	6.40	-38.1%	7.69	10.6	-27.4%
LN thuần từ HĐKD	25.2	27.9	-9.7%	52.9	60.8	-13.1%
Lợi nhuận khác	-0.28	-0.22	-26.0%	-0.50	-0.43	-16.5%
LN trước thuế	24.9	27.6	-9.7%	52.4	60.4	-13.3%
Lợi nhuận sau thuế	19.8	22.1	-10.3%	41.8	48.2	-13.4%
LNST của CĐ cty mẹ	19.8	22.1	-10.3%	41.8	48.2	-13.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-18.9	46.4	23.7	10.8	3.47	23.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	25.2	-24.2	3.46	-3.71	-3.86	31.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-11.4	-40.2	-11.4	0	-11.4
Tiền đầu kỳ	38.9	45.2	56.0	42.9	38.6	38.2
Lưu chuyển tiền thuần	6.30	10.8	-13.0	-4.34	-0.39	42.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	45.2	56.0	42.9	38.6	38.2	80.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,213	1,198	1.3%
Tài sản ngắn hạn	132	89.9	47.1%
Tiền và tương đương tiền	80.9	38.6	110%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.5	13.8	164%
Phải thu ngắn hạn	5.50	29.8	-81.6%
Hàng tồn kho	8.58	7.64	12.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.69	0	
Tài sản dài hạn	1,081	1,108	-2.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	428	437	-2.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.37	2.58	108%
Đầu tư tài chính dài hạn	633	653	-3.1%
Tài sản dài hạn khác	14.6	15.3	-4.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	280	229	22.4%
Nợ ngắn hạn	130	67.1	93.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.8	22.8	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.7	12.6	9.1%
Nợ dài hạn	151	162	-7.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	150	161	-7.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	933	969	-3.7%
Vốn chủ sở hữu	933	969	-3.7%
Vốn điều lệ	788	788	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

